

Số: 19/2023/QĐST-HNGĐ

Mường Tề, ngày 20 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2023/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn: Chim Thị U.** Sinh năm: 1997

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Nơi ở hiện nay: Bản B, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu

Nghề nghiệp: Lao động tự do

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P.** Sinh năm: 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Nơi làm việc và chỗ ở hiện nay: Công ty Cổ phần T - Khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54; 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải ngày 12 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Chim Thị U và anh Nguyễn Văn P

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Chim Thị U và anh Nguyễn Văn P thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: chị Chim Thị U và anh Nguyễn Văn P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Chim Thị U và anh Nguyễn Văn P thỏa thuận, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Chim Thị U và anh Nguyễn Văn P phải chịu 50% án phí Hôn nhân gia đình là 150.000 đồng, chị U và anh P thỏa thuận, thống nhất chị U chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 50% tương ứng với số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số AA/2021/0000683, ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Hoàn trả lại cho chị U số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số AA/2021/0000683, ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Mường Tè;
- THADS huyện Mường Tè;
- UBND xã B;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đới Xuân Huy